

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HS-ST
Ngày 20 - 6 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Ông Phùng Đình Bàn.

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên toà:
Bà Cao Hồng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2025/HSST ngày 22 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST – HS ngày 06 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Anh T**, sinh ngày 07/9/1971; tại phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh B (đã chết) và bà Hoàng Thị H (đã chết); có vợ là Lê Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/HSST ngày 28/4/1995 của Toà án nhân dân thị xã Vĩnh Yên xử phạt Nguyễn Anh T 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 30 tháng về tội Cường đoạt tài sản, đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/HSST ngày 30/01/1999 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Yên; Bản án hình sự phúc thẩm số: 06/HSPT ngày 09/3/1999 của Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Anh T 09 tháng tù về tội “Giao cấu với người dưới 16 tuổi”. Tổng hợp hình phạt này với hình phạt 15 tháng tù về tội “Cường đoạt tài sản” tại bản án số 15 ngày 28/4/1995 buộc T phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 24 tháng tù, án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng. Ngày 25/10/2000, T chấp hành xong hình phạt tù. Đối với khoản án phí hình sự, Chi

cục Thi hành án dân sự Vĩnh Yên đã tiến hành rà soát sổ thụ lý án hình sự còn lưu trữ, kết quả: Không thụ lý khoản án phí của bản án trên. Đã được xóa án tích.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 103/HSST ngày 18/12/2001 của Toà án nhân dân thị xã Vĩnh Yên xử phạt Nguyễn Anh T 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng. Ngày 15/3/2004, T chấp hành xong hình phạt tù. Tháng 9/2007, T đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Đã được xóa án tích.

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 14/QĐ-XPVPHC của Công an phường N, thị xã V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Anh T 100.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 16/4/2004. T đã thi hành xong.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 1993, (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1982, (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do ham lợi nhuận nên từ năm 2022 đến năm 2024, Nguyễn Anh T đã cho 02 người vay tiền với lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày đến 4.300 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương ứng với 109,5%/năm đến 156,95%/1 năm). Số tiền gốc và tiền lãi thu được T đều chuyển, nhận bằng tiền mặt hoặc qua chuyển khoản; cụ thể như sau:

1. Đối với anh Nguyễn Mạnh H1 sinh năm 1993, trú tại tổ dân phố L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc:

T cho anh H1 vay 01 lần. Ngày 28/11/2022, anh Nguyễn Mạnh H1 đến nhà T và hỏi vay số tiền 7.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân. T đồng ý cho H1 vay tiền và thỏa thuận lãi suất 4.300 đồng/1 triệu/ngày (tương đương 156,95%/năm), cứ 10 ngày trả lãi một lần = 300.000 đồng. Khi cho vay T yêu cầu anh H1 để lại căn cước công dân và giấy chứng nhận đăng ký xe máy, loại Honda Airblade, mang BKS: 88B1- 175.09, đồng thời T yêu cầu anh H1 viết một giấy bán xe máy cho T với giá 7.000.000 đồng (đề ngày 28/11/2022) và một giấy mượn lại chiếc xe máy (không viết ngày), mục đích để đảm bảo khoản vay, thực tế anh H1 vẫn quản lý, sử dụng chiếc xe trên. Sau đó, T đưa cho anh H1 số tiền 7.000.000 đồng bằng tiền mặt. Tính đến ngày 08/7/2024, anh H1 đã trả lãi cho T 57 lần của 570 ngày vay = 17.100.000 đồng, đều thực hiện dưới hình thức chuyển khoản từ tài khoản số 0981193678 mở tại ngân hàng M của anh H1 đến tài khoản số 12021476909018 mở tại Ngân hàng

T1 của T. Trong đó: Tiền lãi thính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định là $(7.000.000 \text{ đồng} \times 570 \text{ ngày} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 2.186.301 \text{ đồng}$. Số tiền thu lời bất chính là $17.100.000 \text{ đồng} - 2.186.301 \text{ đồng} = 14.913.699 \text{ đồng}$. Anh H1 còn nợ T 7.000.000 đồng tiền gốc.

2. Đối với anh Nguyễn Văn H2 sinh năm 1982, trú tại: Tổ dân phố L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc: T cho H2 05 lần với tổng số tiền vay là 50.000.000 đồng, với lãi suất từ 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày đến 3.333 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương ứng lãi suất từ 109,5%/ năm đến 121,65%/năm). Các lần đóng tiền lãi, anh H2 đều sử dụng số tài khoản ngân hàng O số 19826666 của mình để chuyển khoản đến số tài khoản ngân hàng T1 12021476909018 của T (riêng ngày 18/01/2023, anh H2 sử dụng tài khoản số 0171100222222888 mở tại ngân hàng O), cụ thể:

- **Lần 1:** Ngày 02/01/2023, T cho anh H2 vay số tiền 25.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân. T đưa cho anh H2 25.000.000 đồng bằng tiền mặt và thống nhất hàng tháng, anh H2 phải trả số tiền lãi là 2.500.000 đồng, tương đương với lãi suất 3.333 đồng/triệu/ngày. Tính đến ngày 30/9/2023, anh H2 đã trả cho T 9 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 22.500.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền gốc, cụ thể:

+ Ngày 17/01/2023, anh H2 chuyển khoản 2.000.000 đồng và ngày 18/01/2023, anh H2 chuyển khoản số tiền 500.000 đồng đến số tài khoản của T, tổng là 2.500.000 đồng để trả tiền lãi tháng 01/2023.

+ Ngày 21/02/2023, anh H2 chuyển cho T 2.500.000 đồng tiền lãi tháng 02/2023.

+ Ngày 20/3/2023 và ngày 24/3/2023, anh H2 chuyển khoản 02 lần cho T với tổng số tiền 2.500.000 đồng tiền lãi tháng 03/2023.

+ Ngày 19/4/2023, anh H2 chuyển khoản cho T số tiền 2.500.000 đồng tiền lãi tháng 4/2023.

+ Ngày 22/5/2023, anh H2 chuyển khoản cho T số tiền 2.500.000 đồng để trả tiền lãi tháng 5/2023.

+ Ngày 20/6/2023, anh H2 chuyển khoản cho T số tiền 2.500.000 đồng để trả tiền lãi tháng 6/2023.

+ Ngày 20/7/2023, anh H2 chuyển khoản cho T số tiền 3.000.000 đồng, trong đó 2.500.000 đồng tiền lãi tháng 7/2023 của khoản vay này và 450.000 đồng tiền lãi của khoản vay 5.000.000 đồng ngày 08/6/2023 (còn dư 50.000 đồng thì anh H2 cho T).

+ Ngày 30/9/2023, anh H2 chuyển khoản cho T số tiền 10.000.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng tiền lãi tháng 8/2023, tháng 9/2023 và 5.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay này.

Như vậy, đối với khoản vay này T đã thu được 22.500.000 đồng tiền lãi của 270 ngày, trong đó tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 3.698.630 đồng; tiền thu lời bất chính 18.801.370 đồng. Anh H2 đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 20.000.000 đồng tiền gốc.

- **Lần 2:** Ngày 05/3/2023, T cho anh H2 vay 5.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tức tiền lãi hàng tháng là 450.000 đồng. T chuyển đủ số tiền trên đến tài khoản của anh H2. Ngày 05/4/2023 và ngày 05/5/2023, anh H2 chuyển khoản 02 lần, mỗi lần 450.000 đồng vào tài khoản của T để trả tiền lãi 2 tháng của khoản vay này. Ngày 05/6/2023, anh H2 chuyển khoản trả 5.000.000 đồng tiền gốc cho T. T không tính lãi tháng cuối đối với anh H2.

Như vậy, đối với khoản vay này, T thu được 900.000 đồng tiền lãi của 60 ngày, trong đó tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 164.384 đồng, số tiền thu lời bất chính 735.616 đồng.

- **Lần 3:** Ngày 14/5/2023, T cho anh H2 vay 10.000.000 đồng, với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tức tiền lãi hàng tháng là 900.000 đồng. T chuyển đủ số tiền trên đến tài khoản của anh H2. Ngày 14/6/2023 và ngày 08/8/2023, anh H2 chuyển khoản 02 lần, mỗi lần 900.000 đồng vào tài khoản của T để trả tiền lãi tháng 6/2023 và tháng 7/2023 của khoản vay này.

Như vậy, đối với khoản vay này, T thu được 1.800.000 đồng tiền lãi của 60 ngày, trong đó tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 328.767 đồng, số tiền thu lời bất chính 1.471.233 đồng. Anh H2 còn nợ T 10.000.000 đồng tiền gốc.

- **Lần 4:** Ngày 08/6/2023, T cho anh H2 số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tức tiền lãi hàng tháng là 450.000 đồng, T cắt lãi trước một tháng = 450.000 đồng. T chuyển vào tài khoản của anh H2 số tiền 4.550.000 đồng. Ngày 20/7/2023, anh H2 chuyển vào tài khoản của T số tiền 3.000.000 đồng, trong đó 2.500.000 đồng tiền lãi tháng 7/2023 của khoản vay 25.000.000 đồng và 450.000 đồng tiền lãi tháng thứ hai của khoản vay này (còn dư 50.000 đồng thì anh H2 cho T). Ngày 22/8/2023, anh H2 chuyển khoản cho T số tiền 5.000.000 đồng để trả tiền gốc. T không tính tiền lãi tháng cuối.

Như vậy, đối với khoản vay này, T thu được 900.000 đồng tiền lãi của 60 ngày, trong đó tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 164.384 đồng, số tiền thu lời bất chính 735.616 đồng.

- **Lần 5:** Ngày 05/7/2023, anh H2 vay T số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tức tiền lãi hàng tháng là 450.000 đồng. T cắt lãi trước 1 tháng. T chuyển 4.550.000 đồng vào tài khoản của anh H2. Số tiền lãi T đã thu được là 450.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự là 82.192 đồng, số tiền thu lời bất chính 367.808 đồng. Anh H2 còn nợ T 5.000.000

đồng tiền gốc. Sau khi vay tiền, anh H2 không trả lãi được cho T nên T yêu cầu anh H2 trả số tiền gốc, không thu lãi của các khoản vay nữa.

Tính đến ngày 30/9/2023, anh H2 còn nợ T 35.000.000 đồng tiền gốc. Các ngày 02/11/2023, 21/11/2023, 28/12/2023, 19/02/2024, 01/4/2024, 20/4/2024, anh H2 đã 06 lần chuyển khoản vào tài khoản của T trả 35.000.000 đồng tiền gốc còn lại.

Như vậy, T cho H2 vay tổng số tiền là 50.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 26.550.000 đồng, trong đó số tiền lãi thu theo Bộ luật dân sự là 4.438.357 đồng, số tiền thu lời bất chính là 22.111.643 đồng.

Tổng số tiền Tài cho anh H1 và anh H2 vay là 57.000.000 đồng. Tổng số tiền người vay đã trả là 50.000.000 đồng, số tiền gốc người vay chưa trả là 7.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi T đã thu được là 43.650.000 đồng, trong đó số tiền lãi thu theo Bộ luật dân sự là 6.624.658 đồng, số tiền thu lời bất chính là 37.025.342 đồng.

* Tại cáo trạng số: 59/CT – VKSVY ngày 13/5/2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên truy tố bị cáo Nguyễn Anh T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Anh T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Anh T từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Phạt bị cáo Nguyễn Anh T 30.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Anh T.

Giao bị cáo Nguyễn Anh T cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc giáo dục và công an phường L, thành phố V giám sát trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh V nhận được quyết định thi hành án. Trong trường hợp bị cáo T có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Truy thu sung ngân sách Nhà nước của anh Nguyễn Mạnh H1 số tiền gốc chưa trả cho T là 7.000.000 đồng.

+ Truy thu sung ngân sách Nhà nước của T tổng số tiền là 35.000.000 đồng + 6.624.658 đồng = 41.624.658 đồng.

+ Buộc T phải trả cho anh Nguyễn Mạnh H1 số tiền là 14.913.699 đồng, trả cho anh Nguyễn Văn H2 số tiền là 22.111.643 đồng.

(Xác nhận bị cáo T đã nộp số tiền 78.650.000 đồng được thể hiện tại biên lai thu tiền số: 0003117 ngày 18/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên).

+ Tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Ultra S24 màu bạc, đã cũ đã qua sử dụng.

+ Tiêu huỷ đối với thẻ sim số 0978.097.729 do không còn giá trị sử dụng.

Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập giữa Cơ quan CSĐT – công an tỉnh V và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên ngày 13/6/2025 và Biên lai thu tiền số: 0003117 ngày 18/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo T không có ý kiến bổ sung gì khác và không có ý kiến tham gia tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Anh T nói lời sau cùng: Bị cáo biết việc làm của mình là sai, là vi phạm pháp luật. Bị cáo rất ân hận, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo tự rèn luyện bản thân trở thành con người có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định rằng:

Trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến năm 2024, Nguyễn Anh T đã thực hiện hành vi cho anh Nguyễn Mạnh H1 và Nguyễn Văn H2 vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với lãi suất từ 3.000 đồng đến 4.300 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày tương ứng với lãi suất 109,5%/năm đến 156,95%/năm (gấp trên 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật dân sự là 20%/năm). Tổng số tiền lãi T thu được là 43.650.000

đồng, trong đó số tiền lãi thu theo Bộ luật dân sự là 6.624.658 đồng, tổng số tiền Tài thu lời bất là 37.025.342 đồng, cụ thể.

- Từ ngày 28/11/2022 đến ngày 08/7/2024, T cho anh H1 vay 7.000.000 đồng, lãi suất 4300 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Anh H1 đã trả lãi cho T 17.100.000 đồng, trong đó số tiền lãi thu theo Bộ luật dân sự là 2.186.301 đồng, thu lời bất chính số tiền 14.913.699 đồng. Anh H1 còn nợ T 7.000.000 đồng tiền gốc.

- Từ ngày 02/01/2023 đến ngày 30/9/2023, T cho anh Nguyễn Văn H2 vay 05 lần với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, với lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày đến 3.333 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Anh H2 đã trả cho T 26.550.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi thu theo Bộ luật dân sự là 4.438.357 đồng, thu lời bất chính số tiền 22.111.643 đồng. Anh H2 đã trả đủ cho T toàn bộ số tiền vay.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính. Bị cáo đã lợi dụng nhu cầu của người dân cần vay tiền nhằm phục vụ nhu cầu của đời sống và họ thiếu hiểu biết các quy định của pháp luật trong giao dịch dân sự để đưa ra mức lãi suất từ 3.000 đồng đến 4.300 đồng/1.000.000đồng/ 1 ngày để người dân lầm tưởng về mức lãi suất thấp và khó có thể xác định chính xác mức lãi suất mà bị cáo áp đặt nếu không có kiến thức về lãi suất tín dụng. Trong các trường hợp vay đều có mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 156,95%/1 năm diễn ra liên tục trong một khoảng thời gian.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”*. Dù cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính từ 30.000.000đ đến dưới 100.000.000đ ... thì bị phạt tiền từ 50.000.000đ đến 200.000.000đ hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T là người có nhân thân xấu, đã từng 03 lần bị xét xử hình sự về các tội “Cưỡng đoạt tài sản” năm

1995; tội “Giao cầu với người dưới 16 tuổi” năm 1999 và tội “Trộm cắp tài sản” năm 2001. Đối với khoản tiền án phí 50.000 đồng của bản án hình sự năm 1999, xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên được cung cấp: Không có thông tin thụ lý khoản án phí của bản án trên. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa T khẳng định mình đã nộp đủ tiền án phí của bản án hình sự năm 1999, do thời gian đã lâu T không nhớ nộp khoản tiền án phí trên chính xác vào ngày tháng nào và đến nay không còn giữ được biên lai thu tiền để giao nộp cho cơ quan điều tra và cho Tòa án. Nên xác định T đều đã được xóa án tích. Ngoài ra, vào năm 2004 bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, T đã thi hành xong. Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần xử lý bị cáo trước pháp luật mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trước khi xét xử bị cáo tự nguyện nộp số tiền truy thu sung ngân sách Nhà nước (được thể hiện tại biên lai thu tiền số: 0003117 ngày 18/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên) nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ đưa ra mức án phù hợp như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về biện pháp tư pháp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”

Giao dịch cho vay của bị cáo T với người vay với lãi suất gấp hơn 5 lần mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là giao dịch trái pháp luật nên toàn bộ số tiền gốc cho vay là phương tiện phạm tội cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%/năm, đây là số tiền có được từ việc thực hiện hành vi phạm tội nên buộc bị cáo truy thu sung ngân sách Nhà nước. Số tiền lãi quá quy định buộc bị cáo phải trả lại cho người vay.

- Xử lý đối với khoản tiền gốc người vay đã trả và khoản tiền gốc người vay chưa trả cho bị cáo như sau:

Quá trình điều tra xác định từ số tiền gốc ban đầu và số tiền lãi thu được của người vay, T sử dụng để quay vòng cho những lần vay sau. Thời điểm số tiền gốc cho vay cao nhất là 42.000.000 đồng. Nên xác định số tiền Tài dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội là 42.000.000 đồng. Quá trình vay anh H2 đã trả cho T số tiền gốc đã vay là 35.000.000 đồng, anh H1 chưa trả số tiền gốc đã vay là 7.000.000 đồng. Do vậy, cần truy thu của T số tiền 35.000.000 đồng và truy thu của anh H1 số tiền 7.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 20%/năm mà T đã thu của anh H1 và anh H2 tổng cộng là 6.624.658 đồng, tuy không bị tính khi xem xét trách nhiệm hình sự, nhưng đây là số tiền Tài có được từ việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần truy thu của T số tiền trên để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất trên 20%/năm Tài đã thu của anh H2 và anh H1, tổng cộng là 37.025.342 đồng, đây là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của những người vay tiền, bản thân những người vay cũng khẳng định không sử dụng số tiền vay vào mục đích bất hợp pháp, cần truy thu của T để trả lại cho anh H2 và anh H1 tương ứng với số tiền Tài đã thu của mỗi người cụ thể: Trả cho anh Nguyễn Mạnh H1 số tiền là 14.913.699 đồng, trả cho anh Nguyễn Văn H2 số tiền là 22.111.643 đồng.

Tổng số tiền Tài bị truy thu sung ngân sách Nhà nước là 35.000.000 đồng + 6.624.658 đồng = 41.624.658 đồng. Số tiền Tài phải trả cho anh Nguyễn Mạnh H1 số tiền là 14.913.699 đồng, trả cho anh Nguyễn Văn H2 số tiền là 22.111.643 đồng. (Xác nhận bị cáo T đã nộp số tiền 78.650.000 đồng được thể hiện tại biên lai thu tiền số: 0003117 ngày 18/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên).

[6] Về xử lý vật chứng:

- Chuyển theo hồ sơ vụ án các tài liệu gồm: 01 giấy bán xe mô tô BKS: 88B1-175.09 đề ngày 28/11/2022, người bán là Nguyễn Mạnh H1; 01 giấy mượn xe mô tô BKS: 88B1-175.09 không đề ngày, người mượn là Nguyễn Mạnh H1.

- Đối với 01 căn cước công dân số 026093002199, tên Nguyễn Mạnh H1: Quá trình điều tra xác định là giấy tờ cá nhân của anh H1 sử dụng để thế chấp vay tiền của T. Ngày 19/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh H1 là có căn cứ.

- Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88B1-175.09 mang tên Vũ Đình Đ, quá trình điều tra xác định: Cuối năm 2015, anh Vũ Đình Đ sinh năm 1977, trú tại: Tổ dân phố G, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc mua mới chiếc xe Honda Airblade, đăng ký chính chủ mang tên Vũ Đình Đ. Năm 2021, anh Đ đã bán lại chiếc xe máy kèm giấy chứng nhận đăng ký xe cho anh Nguyễn Mạnh H1. Anh H1 sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe trên thế chấp vay tiền của T. Giấy tờ xe trên là giấy tờ hợp pháp của anh H1, nên ngày 19/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh H1 là có căn cứ.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Ultra S24 màu bạc được lắp thẻ sim số 0978.097.729 của Nguyễn Anh T, quá trình điều tra xác định, T sử dụng chiếc điện thoại trên để liên lạc nhắc người vay trả tiền, vì vậy

xác định là công cụ phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với thẻ sim số 0978.097.729 không còn giá trị sử dụng, T không có nhu cầu nhận lại nên đề nghị tiêu hủy.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...”. Do vậy, cần phạt bổ sung bị cáo T số tiền 30.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy bị cáo T là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định; sau khi phạm tội đến nay bị cáo không có việc làm ổn định nên bị cáo không có thu nhập ổn định hàng tháng nên không khấu trừ phần trăm thu nhập và các hình phạt bổ sung khác đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Anh T 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Anh T số tiền 30.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Anh T.

Giao bị cáo Nguyễn Anh T cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc giáo dục và Công an phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh V nhận được quyết định thi hành án. Trong trường hợp bị cáo T có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước của anh Nguyễn Mạnh H1 số tiền gốc chưa trả cho T là 7.000.000 đồng.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước của T tổng số tiền là 35.000.000 đồng + 6.624.658 đồng = 41.624.658 đồng.

- Buộc T phải trả cho anh Nguyễn Mạnh H1 số tiền là 14.913.699 đồng, trả cho anh Nguyễn Văn H2 số tiền là 22.111.643 đồng.

(Xác nhận bị cáo T đã nộp số tiền 78.650.000 đồng được thể hiện tại biên lai thu tiền số: 0003117 ngày 18/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên).

- Tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Ultra S24 màu bạc, đã cũ đã qua sử dụng của T.

- Tiêu huỷ đối với thẻ sim số 0978.097.729 do không còn giá trị sử dụng.

Vật chứng và số tiền nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập giữa Cơ quan CSĐT – công an tỉnh V và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên ngày 13/6/2025 và Biên lai thu tiền số: 0003117 ngày 18/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Anh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh Yên;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Nguyễn Thị Trang Nhung